

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2026/HSST
Ngày 21 tháng 01 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Sửu
2. Ông Lê Thanh Nhất

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh -Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ: Bà Trịnh Hoàng
Miên- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú
Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2025/HSST ngày
15 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
01/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Hoàng Văn N, sinh ngày 17/9/1997; tại Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT: thôn
Xóm Mi, xã Y, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá
(học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt
Nam; con ông Hoàng Duy Đ, sinh năm 1975 và bà Trần Thị H, sinh năm 1977;
vợ: Hoàng Thị Thanh L, sinh năm 2002; con có 02 con lớn sinh năm 2001 (đã
chết), nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án sơ thẩm số 32/2020/HSST ngày 05/5/2020 của
TAND huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt Hoàng Văn N 07 tháng
tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. N
đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 04/7/2021 và chấp hành xong án phí
ngày 06/8/2020. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2025 đến nay, hiện đang tạm giam tại
Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn L, sinh năm 1963, (vắng mặt); bà Doãn Thị K, sinh
năm 1965, (có mặt); đều trú tại: thôn X, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại
phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 03/08/2025, Hoàng Văn N, sinh năm 1997, trú tại thôn X, xã Y, tỉnh Phú Thọ đi bộ ngang qua nhà ông Lê Văn L, sinh năm 1963 ở cùng thôn, gặp ông L đang quét sân và vào ngồi chơi, uống nước được khoảng 5 - 10 phút thì về đi làm cỏ ngô. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, N làm cỏ ngô xong thì đi bộ một mình về qua nhà ông L, quan sát không thấy ai ở nhà, các cửa nhà ông L đóng kín nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhà ông L. N nhảy qua bờ tường rào vào khuôn viên vườn nhà ông L, đi đến phía đầu đốc nhà chính (bên trái hướng nhìn từ bên ngoài vào), lúi đi từ nhà bếp lên nhà chính. N đẩy cửa vào bên trong, loại cửa hai cánh bằng gỗ, cửa không khóa, N đi vào bên trong nhà tại gian giữa thấy chiếc quần dài của ông L để ở trên giường gần với bàn để tivi, N lục túi quần bên phải thấy có một tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng nên lấy đút vào túi quần bên phải của Nam. Nam nhìn xuống bàn để tivi phát hiện thấy một chiếc hộp nhỏ dưới tivi, mở bên trong có một chiếc chìa khóa kết sắt. N cầm lấy chìa khóa đi vào bên trong phòng ngủ nhà ông L đến vị trí để chiếc kết sắt ở đầu giường, N cầm chìa khóa vào ổ khóa ngăn bên trên của kết sắt rồi xoay theo chiều kim đồng hồ và kéo cửa kết sắt ra thì thấy kết mở ra được. N thấy trong kết sắt ở góc bên trái có chiếc lọ nhựa trong suốt có nắp màu đỏ bên trong lọ này có bốn hộp màu đỏ để vàng. N lấy 01 hộp màu đỏ bên trong có 01 nhẫn tròn màu vàng, loại một chỉ đút vào túi quần bên phải của N rồi tiếp tục quan sát thấy bên phải của ngăn kết có hai tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nên N lấy một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng rồi đút vào túi quần bên phải của N. Sau đó, N đặt lại lọ nhựa vào vị trí cũ trong kết sắt, đóng kết lại, rồi rút chìa khóa trả lại vào chiếc hộp dưới bàn để tivi như ban đầu và đi ra khỏi nhà bằng lối đi như lúc vào nhà. Khi về đến nhà, N cất giấu hộp đựng vàng vào bên trong góc tủ của nhà N, cất hai tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng vào trong chiếc ví cá nhân của N. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, ông L phát hiện bị trộm cắp tài sản và trình báo đến Cơ quan Công an. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Công an xã Yên Lãng, tỉnh Phú Thọ triệu tập N lên làm việc. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành tạm giữ 01 chiếc nhẫn tròn trơn, bằng kim loại màu vàng, mặt trong của chiếc nhẫn có dòng chữ “99 Minh Trí 99 1” và số tiền 700.000 đồng.

Ngày 15/8/2025, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ có Kết luận giám định số 1307/KL-KTHS, kết luận: *01 chiếc nhẫn tròn trơn, bằng kim loại màu vàng, mặt trong của chiếc nhẫn có dòng chữ “99 Minh Trí 99 1” có khối lượng 3,748 gam là vàng (Au); hàm lượng Au trung bình 99,99%.*

Ngày 26/9/2025, Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Phú Thọ ban hành kết luận định giá tài sản số 169/KL-HĐĐGTS, kết luận: *Giá trị 01 chiếc nhẫn vàng (Au) tròn trơn có hàm lượng Au*

trung bình 99,99%, khối lượng 3,748g, tại thời điểm ngày 03/8/2025 là 11.917.000 đồng (Mười một triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng).

*** Về vật chứng vụ án:**

- Đối với 01 chiếc nhẫn tròn trơn, bằng kim loại màu vàng, mặt trong của chiếc nhẫn có dòng chữ “99 Minh Trí 99 1” và số tiền 700.000 đồng, xác nhận ngày 17/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho ông Lê Văn L là đúng chủ sở hữu. Ông L không yêu cầu N bồi thường gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho N.

Quá trình điều tra, bị cáo Hoàng Văn N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ truy tố bị cáo Hoàng Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ luận tội đối với bị cáo Hoàng Văn N. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Xử phạt: Bị cáo N từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo **Hoàng Văn N** đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Xuất phát từ động cơ mục đích tư lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 07 giờ ngày 03/8/2025, tại thôn Xóm M, xã Y, tỉnh Phú Thọ, Hoàng Văn N đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc nhẫn vàng có khối lượng 3,748g, trị giá 11.917.000 đồng và số tiền 700.000 đồng của gia đình ông Lê Văn L. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 12.617.000 đồng.

Hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của Hoàng Văn N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Hành vi nêu trên của **Hoàng Văn N** đã phạm vào tội “Trộm **cắp** tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Nội dung điều luật quy định: “1. Người nào trộm **cắp** tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó bản cáo trạng số: 29/CT-VKS, ngày 12/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ đã truy tố bị cáo **Hoàng Văn N** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 **Điều 173** Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của Hoàng Văn N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo còn trẻ, không chịu tu dưỡng rèn luyện, để có tiền tiêu xài cá nhân đã trộm cắp tài sản, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe những kẻ khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Về nhân thân: Tại bản án sơ thẩm số 32/2020/HSST ngày 05/5/2020 của TAND huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt Hoàng Văn N 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. N đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 04/7/2021 và chấp hành xong án phí ngày 06/8/2020. Đã được xóa án tích.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt tù cách ly bị cáo một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.

[4] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với 01 chiếc nhẫn tròn trơn, bằng kim loại màu vàng, mặt trong của chiếc nhẫn có dòng chữ “99 Minh Trí 99 1” và số tiền 700.000 đồng, xác nhận ngày 17/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho ông Lê Văn L là đúng chủ sở hữu. Ông L không yêu cầu N bồi thường gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho N.

[5] Về án phí: Bị cáo **Hoàng Văn N** phải chi trả án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Hoàng Văn N** tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với bị cáo **Hoàng Văn N**.

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn N** 01 (một) năm 01 (một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/10/2025.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo **Hoàng Văn N** phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 2 tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THADS tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ (Phòng hồ sơ);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

Trần Thị Huệ